

Số: **247**/BC-STC

Tuyên Quang, ngày **10** tháng **7** năm 2019

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương quý II năm 2019

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hiện hành hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 132/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 7 về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Sở Tài chính trân trọng báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương quý II năm 2019, như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước: (Có Biểu số 60/CK-NSNN kèm theo)

1.1) Tổng thu NSNN trên địa bàn: 1.007.350 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu nội địa: 945.873 triệu đồng.

1.2) Ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 798.722 triệu đồng.

Đánh giá kết quả thực hiện thu ngân sách 6 tháng: Tổng các khoản thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2019 đạt 48,4% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 47,8% so với dự toán và tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó

- Có 06 khoản thu đạt tiến độ, đó là:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 51,1% dự toán bằng 107,6% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu thuế thu nhập cá nhân đạt 52,9% dự toán bằng 110,0% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu phí, lệ phí đạt 52,7% dự toán, bằng 114,2% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 80,5% dự toán bằng 100,2% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu khác của ngân sách đạt 50,6% dự toán, bằng 105,4% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu tại xã đạt 67,7% dự toán, bằng 168,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Có 07 khoản thu đạt thấp so với dự toán năm, đó là:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương đạt 44,6% dự toán bằng 113,5% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 19,0% dự toán, bằng 54,8% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 44,7% dự toán bằng 113,4% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu thuế bảo vệ môi trường đạt 47,1% dự toán bằng 139,8% so với cùng kỳ năm trước.

+ Các khoản thu về nhà đất đạt 47,9% dự toán, bằng 97,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ghi thu ghi chi tiền thuê đất là 32.535,4 triệu đồng, số thu từ nhà đất sau khi loại trừ ghi thu ghi chi tiền thuê đất đạt 92.371,8 triệu đồng, bằng 35,4% dự toán.

+ Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 49,0% dự toán, bằng 97,8% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thu cổ tức và lợi nhuận được chia đạt 47,0% dự toán.

Nguyên nhân tiến độ thực hiện dự toán thu ngân sách:

a) Tăng thu

- Về kinh tế: Theo số liệu thống kê tình hình kinh tế - xã hội 05 tháng đầu năm, nhiều sản phẩm công nghiệp chủ yếu có sự tăng trưởng so với cùng kỳ như điện sản xuất tăng 13,93%, bột ba rít tăng 4,91%, xi măng tăng 17,66%,...

- Thu lệ phí trước bạ thực hiện 59,8 tỷ đồng, bằng 53,4% dự toán do thu tiền trước bạ đối với các căn hộ của dự án chỉnh trang đô thị dọc hai bên đường Lý Thái Tổ (khu đô thị Việt Mỹ Villas), dự án nhà phố thương mại Vincom; thu trước bạ ô tô ước tăng 21% do số lượng phương tiện đăng ký nộp trước bạ tăng 2%, giá trị trung bình tài sản tính lệ phí trước bạ tăng 13% và điều chỉnh mức thu lệ phí trước bạ từ 10/4/2019 theo Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/2/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ (tăng 350 triệu đồng).

- Thuế Thu nhập cá nhân thực hiện 50,7 tỷ đồng, đạt 52,9% dự toán. Nguyên nhân: Một số đơn vị năm 2019 hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, thực hiện chi trả các khoản thu nhập tăng thêm phát sinh trong tháng 12/2018 và quý I/2019 đã góp phần tăng thu từ thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công như Chi nhánh Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam: Công ty Thủy điện Tuyên Quang, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển,...

- Về chính sách: Thực hiện Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/09/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về biểu thuế bảo vệ môi trường, mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng tăng từ 3.000 đồng/lít lên 4.000 đồng/lít,... do đó, lũy kế số thu thuế bảo vệ môi trường ước tăng 44,2% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, với việc giá xăng liên tục được điều chỉnh tăng, số nộp thuế giá trị gia tăng của Công ty Xăng dầu Tuyên Quang – Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên ước đạt 12,3 tỷ đồng tăng trên 4 tỷ đồng so với cùng kỳ.

Thực hiện Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện, giá tính thuế tài nguyên nước thủy điện được điều chỉnh tăng 8,35%, do đó số nộp thuế Tài nguyên của Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam – Công ty Thủy điện Tuyên Quang ước tăng trên 1,8 tỷ đồng. Lũy kế 06 tháng đầu năm, số nộp NSNN của Công ty Điện lực Tuyên Quang (bán điện thương phẩm) ước tăng trên 5 tỷ đồng so với cùng kỳ;

b) Giảm thu: Một số khoản thu, sắc thuế tiến độ thu còn chậm so với dự toán:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương thực hiện 06 tháng 142,9 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ nhưng chưa đạt 50% dự toán (đạt 44,6% dự toán) do đặc thù sản xuất kinh doanh của Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam – Công ty Thủy điện Tuyên Quang là đơn vị có số nộp chiếm tỷ trọng lớn nhất của khu vực. Cụ thể sản lượng điện sản xuất 06 tháng đầu năm bình quân của doanh nghiệp thông thường từ 30 – 40% sản lượng điện sản xuất cả năm nên số thu NSNN 06 tháng đầu năm của khu vực này thường thấp hơn 50% dự toán cả năm.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 19,0% dự toán UBND tỉnh giao do: Tiến độ triển khai một số dự án có vốn đầu tư nước ngoài (dự án Nhà máy sản xuất Giấy, dếp xuất khẩu Tuyên Quang), dự án thủy điện có nhà thầu nước ngoài cung cấp máy móc thiết bị, tư vấn giám sát (Dự án Thủy điện Yên Sơn) còn chậm so với kế hoạch; số thu từ nhà thầu nước ngoài hiện đang quản lý thấp (ước giảm 3 tỷ đồng so với cùng kỳ) do phần lớn các hợp đồng nhà thầu đã quyết toán, thanh toán xong (Nhà thầu của Công ty Cổ phần giấy An Hòa, Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang,...); Công ty TNHH Gang thép Tuyên Quang không phát sinh số nộp thuế Giá trị gia tăng (do số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ đến hết kỳ kê khai tháng 5/2019 là gần 70 tỷ đồng), số nộp thuế tài nguyên giảm 1,5 tỷ đồng so với cùng kỳ; Công ty TNHH Sửa tương lai giảm nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp trên 1 tỷ đồng,...

- Thu tiền sử dụng đất 06 tháng đầu năm đạt 65,4 tỷ đồng, giảm 36,5% so với cùng kỳ do trong 06 tháng đầu năm mới tổ chức được 03 đợt đấu giá tại Thành phố Tuyên Quang, huyện Yên Sơn và huyện Hàm Yên với số tiền trúng đấu giá 23,7 tỷ đồng (06 tháng đầu năm 2018 tổ chức được 5 đợt đấu giá trên địa bàn toàn tỉnh với số tiền trúng đấu giá trên 110 tỷ đồng).

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thực hiện 06 tháng đạt 267,9 tỷ đồng, tăng 13,4% so với cùng kỳ, tuy nhiên không đạt 50% dự toán (đạt 44,7%) do:

+ Một số doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, phát sinh nợ thuế (Công ty Xi măng Tuyên Quang, Công ty Cổ phần Kim loại màu Tuyên Quang, Hợp tác xã kinh doanh khai thác vật liệu xây dựng Thắng Lợi ...); Công ty cổ phần Woodslan mở rộng sản xuất, trong giai đoạn đầu tư không phát sinh số nộp thuế giá trị gia tăng,...

+ Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương giảm nộp NSNN 11,9 tỷ đồng so với cùng kỳ, do thị trường tiêu thụ khó khăn, giá bán giảm sâu thấp hơn giá thành, đường tồn kho lớn. Công ty TNHH Sao Việt Tuyên Quang giảm nộp gần 4,4 tỷ đồng so với cùng kỳ do khó khăn trong tiêu thụ hàng hóa.

2. Chi ngân sách: (Có Biểu số 61/CK-NSNN kèm theo)

* Tổng chi ngân sách: 3.686.681 triệu đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 1.017.982 triệu đồng.

- Chi thường xuyên: 2.244.731 triệu đồng.

- Chi từ nguồn dự phòng ngân sách: 52.754 triệu đồng.

Năm 2019, tỉnh đã tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về điều hành ngân sách nhà nước, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính. Không ban hành, điều chỉnh chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước ảnh hưởng đến cân đối ngân sách, đồng thời tổ chức thực hiện tốt Luật Ngân sách Nhà nước, các Luật Thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và số giao thu phân đầu của UBND tỉnh.

Về quản lý thu ngân sách: Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2019, thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ và tổ chức triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế... về công tác thu NSNN. Phân bổ dự toán thu NSNN năm 2019 và quý I, II năm 2019 cho từng đơn vị. Chỉ đạo, xây dựng, triển khai thu lệ phí môn bài, phương án khoán ổn định thuế Giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân năm 2019 đối với cá nhân kinh doanh, công khai trên trang tin Cục Thuế. Hằng tháng tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thu nộp, tập hợp các vướng mắc phát sinh liên quan để xử lý và đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết, nhất là vướng mắc trong thực hiện chính sách thu thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu tiền thuê đất, quản lý khai thác khoáng sản, kinh doanh xăng dầu, phí và lệ phí...

Giám sát chặt chẽ việc kê khai thuế; kiểm tra 100% hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế, tổ chức kiểm tra kịp thời đối với các hồ sơ khai thuế có nghi vấn, xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm pháp luật thuế. , tăng cường kiểm tra giám sát khai thuế, đôn đốc nộp tiền vào NSNN.

Rà soát, phân tích các khoản nợ. Triển khai thực hiện giao chỉ tiêu thu nợ đến từng đơn vị trực tiếp tham gia quản lý người nộp thuế, áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế năm 2018 chuyển sang và nợ mới phát sinh. Triển khai Phương án số 484/PA-CT ngày 16/5/2019 về việc tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, thu hồi, xử lý nợ đọng tiền thuế năm 2019; giao chỉ tiêu thu nợ hằng tháng tới từng đơn vị, công chức. Tổng số tiền thuế nợ ước tính đến thời điểm 30/6/2019 là 123,0 tỷ đồng, kết quả thu nợ lũy kế đến 30/6/2019 ước đạt 59,3 tỷ đồng.

Chủ động phối hợp với UBND các huyện, thành phố trong triển khai kế hoạch đấu giá thu tiền sử dụng đất năm 2019; đôn đốc các cá nhân, tổ chức trúng đấu giá nộp tiền vào NSNN. Tăng cường biện pháp quản lý các khoản thu thuế, phí, lệ phí phát sinh trên địa bàn các xã phường.

Về quản lý chi ngân sách: Thực hiện rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng dự toán được duyệt. Triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý nhà nước, sự nghiệp công, cắt giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi công tác nước ngoài, chi cho lễ hội, lễ kỷ niệm, khởi công, khánh thành, tổng kết và các khoản chi chưa cần thiết khác. Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên ngay từ khi giao dự toán chi cho các cơ quan, đơn vị để tạo nguồn cải cách tiền lương. Việc chi dự phòng ngân sách đảm bảo theo đúng quy định của nhà nước hiện hành.

* Chi đầu tư phát triển: Thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 151,9% dự toán năm (bao gồm cả số chuyển nguồn năm trước sang). Năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có quyết định phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư ngay từ đầu năm, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành và đơn vị tổ chức thực hiện.

* Chi thường xuyên: Trong quá trình điều hành đảm bảo chi ngân sách hiệu quả, đúng Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước và Thông tư số 119/2018/TT-BTC ngày 05/12/2018 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2019. Về cơ bản ngân sách địa phương đáp ứng đầy đủ các nội dung chi đã được bố trí trong dự toán được duyệt cho các cơ quan, đơn vị. Đảm bảo kinh phí để chi lương, phụ cấp, trợ cấp cho cán bộ công nhân viên chức trong dịp Tết nguyên đán Kỷ Hợi.

- Các đơn vị dự toán duy trì và thực hiện nghiêm túc Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số

141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.

- Thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (*trừ tiền lương và các khoản có tính chất như lương và các khoản chi cho con người theo chế độ*) ngay từ đầu năm; Tích cực cơ cấu lại chi thường xuyên để ưu tiên nguồn lực để thực hiện các chương trình, dự án của tỉnh và các chính sách do Trung ương ban hành nhưng giao cho địa phương cân đối nguồn lực để thực hiện.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Sở Tài chính đã tích cực đôn đốc các cơ sở khám chữa bệnh công lập khối tỉnh và UBND các huyện, thành phố báo cáo tình hình thực hiện thu, chi, báo cáo tài chính năm 2017, năm 2018 của các cơ sở khám chữa bệnh công lập và việc sử dụng tiền công khám chữa bệnh các trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn, tổ chức rà soát lại các nhiệm vụ thu, chi của 6 bệnh viện tuyến huyện năm 2017-2018, xác định mức độ tự chủ của từng bệnh viện, đang tổ chức tổng hợp báo cáo UBND theo đúng quy định.

Thực hiện việc chi chuyển nguồn ngân sách năm 2018 sang năm 2019 theo đúng quy định của Luật Ngân sách, Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác xử lý ngân sách cuối năm 2018, chuyển sang năm 2019 và các năm sau; Tích cực đôn đốc các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố thực hiện nghiêm các nội dung kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước theo quy định.

* Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia: Tổng số nguồn vốn được bố trí năm 2019 là 423.548 triệu đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao nhiệm vụ và dự toán chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019 trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 20/02/2019, Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 11/4/2019; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 01/3/2019, Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 06/5/2019. Hiện tại các cơ quan đơn vị khối tỉnh và các huyện, thành phố đang tích cực tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Trên đây là báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương quý II năm 2019. Sở Tài chính trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Công báo Tuyên Quang (Công khai);
- Website Sở Tài chính (Công khai);
- Lưu: VT, QLNS (Hiển.4).

GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 241/BC-STC ngày 10/7/2019 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.080.000	1.007.349	48%	108%
I	Thu cân đối NSNN	2.080.000	1.007.349	48%	108%
1	Thu nội địa	1.980.000	945.872	48%	112%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	100.000	57.494	57%	71%
4	Thu viện trợ	-	-		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	7.468.345	3.686.681	49%	106%
I	Chi cân đối NSDP	6.545.823	3.317.668	51%	96%
1	Chi đầu tư phát triển	670.080	1.017.982	152%	77%
2	Chi thường xuyên	5.749.010	2.245.731	39%	107%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100	-	0%	0%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	100%	0%
5	Dự phòng ngân sách	124.433	52.754	42%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	922.522	369.013	40%	0%
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	66.800			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	66.800			

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2019
(Kèm theo Báo cáo số 241/BC-STC ngày 10/7/2019 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.080.000	1.007.349	48,4%	108,3%
I	Thu nội địa	1.980.000	945.872	47,8%	111,5%
1	Thu từ khu vực DNNN	383.000	175.035	45,7%	112,4%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	30.000	5.701	19,0%	54,8%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	600.000	267.909	44,7%	113,4%
4	Thuế thu nhập cá nhân	96.000	50.742	52,9%	110,0%
5	Thuế bảo vệ môi trường	270.000	127.040	47,1%	139,8%
6	Lệ phí trước bạ	112.000	59.821	53,4%	118,1%
7	Các loại phí, lệ phí	63.000	32.403	51,4%	107,7%
8	Các khoản thu về nhà, đất	261.000	124.907	47,9%	97,6%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		1		55,3%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000	268	26,8%	56,4%
-	Thu tiền sử dụng đất	200.000	58.670	29,3%	238,4%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	60.000	65.368	108,9%	63,5%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		600		
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	62.000	10.779	17,4%	97,8%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	1.000	49.880	4988,0%	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	22.000	38.478	174,9%	105,4%
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản, thu tại xã khác	4.000	2.706	67,7%	168,4%
13	Thu khác ngân sách	76.000	470	0,6%	58,1%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	100.000	57.494	57,5%	71,0%
IV	Thu viện trợ				
V	Thu đóng góp xây dựng CSHT		3.983		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.756.146	798.722	45,5%	105,3%
1	Từ các khoản thu phân chia	7.500	7.769	103,6%	104,1%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.748.646	790.953	45,2%	105,3%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 247/BC-STC ngày 10/7/2019 của Sở Tài chính)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ II	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	7.468.345	3.686.681	49,4%	106,0%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	6.545.823	3.317.668	50,7%	96,1%
I	Chi đầu tư phát triển	670.080	1.017.982	151,9%	76,7%
1	Chi đầu tư cho các dự án	610.080	1.016.082	166,5%	76,6%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		400		
3	Chi đầu tư phát triển khác	60.000	1.500	2,5%	
II	Chi thường xuyên	5.749.010	2.245.731	39,1%	106,5%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.458.079	1.016.959	41,4%	105,1%
2	Chi khoa học và công nghệ	18.071	12.872	71,2%	141,9%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	665.899	251.124	37,7%	103,5%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	60.863	28.396	46,7%	96,2%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	61.074	31.031	50,8%	142,7%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	106.688	30.207	28,3%	136,5%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	668.236	104.405	15,6%	136,8%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.320.060	575.738	43,6%	103,9%
10	Chi bảo đảm xã hội	236.069	108.549	46,0%	95,8%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100		0,0%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	100,0%	
V	Dự phòng ngân sách	124.433	52.754	42,4%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	922.522	369.013	40,0%	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	423.548	64.241	15,2%	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	397.020	291.884	73,5%	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	101.954	12.889	12,6%	